

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 429/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 09-9-2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
giữa chị Th với anh T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Bờ.
2. Ông Huỳnh Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 277/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Th (Gi), sinh năm 1992; địa chỉ cư trú: Số 21 tổ 02, ấp Đông Bình 1, xã VT, huyện Ct, tỉnh An Giang (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Lâm Văn T, sinh năm 1990, địa chỉ cư trú: Ấp Bình Thới, xã BT, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11/02/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Lê Thị Th trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BT ngày 14/11/2013. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, đời sống chung không hòa hợp nên đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Hiện vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Th yêu cầu giải quyết cho ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị Th và anh T có 01 con chung tên Lâm Văn Quốc, sinh ngày 30/10/2013, đang do anh T nuôi dưỡng. Chị Th đồng ý giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập anh T để ghi nhận ý kiến nhưng anh T vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Vụ án đã quá thời hạn chuẩn bị xét xử nhưng Chánh án chưa ban hành quyết định gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử, kiến nghị đề khắc phục. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị Th ly hôn với anh T; giao con chung tên Lâm Văn Quốc, sinh ngày 30/10/2013 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con do anh T không có yêu cầu; về tài sản chung và nợ chung không có nên đề nghị không xem xét.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: Bản photo chứng minh nhân dân; Sổ hộ khẩu; Bản sao giấy khai sinh con chung; giấy chứng nhận kết hôn; Biên bản xác minh tình trạng cư trú của bị đơn và tình trạng hôn nhân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự về việc ly hôn, bị đơn cư trú tại huyện C, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Th và anh T đã tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BT, huyện C, tỉnh An Giang, theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 186, quyển số 1 ngày 14/11/2013. Do đó, hôn nhân giữa chị Th và anh T là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, đời sống chung không hòa hợp nên đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay, chị Th và anh T đều có cuộc sống riêng, không còn tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh T vắng mặt, cho thấy anh T không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, chị Th và anh T đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị Th yêu cầu giải quyết cho ly hôn với anh T là có cơ sở. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Th ly hôn với anh T.

[2.2] Về con chung:

Chị Th và anh T có 01 con chung tên Lâm Văn Quốc, sinh ngày 30/10/2013, đang do anh T nuôi dưỡng. Chị Th đồng ý giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét, từ khi vợ chồng ly thân đến nay, anh T là người trực tiếp nuôi con; chị Th không cùng anh T trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đối với con chung. Hiện nay anh T đang đi làm và có gửi tiền để nuôi con, được cha mẹ hỗ trợ trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đối với con. Để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của con, tạo điều kiện cho cháu Lâm Văn Quốc được ổn định về tâm lý, chỗ ở, sinh hoạt và học tập, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Lâm Văn Quốc cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng cho con: Anh T không có yêu cầu chị Th cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp anh T có yêu cầu chị Th cấp dưỡng cho con thì được giải quyết bằng vụ án khác.

[2.4] Tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 9, 19, 51, 53, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lê Thị Th ly hôn với anh Lâm Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 186/2013, quyền số 01/2013, ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Ủy ban nhân dân xã BT, huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lâm Văn Quốc, sinh ngày 30/10/2013 cho anh Lâm Văn T trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Lê Thị Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng cho con: Anh T không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nên không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét.

5. Về án phí: Chị Lê Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Th đã nộp theo biên lai thu số: 0001127 ngày 21 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lâm Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Bờ Huỳnh Văn Hùng

Lê Thị Hồng Thi

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã BT;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Lê Thị Hồng Thi